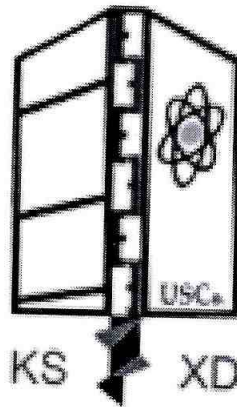


**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO**

31-03-2017



*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/01/2015)*

*Địa chỉ: Số nhà 91, phố Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

*Điện thoại: 0438252725      Fax: 0438245708      ; Website: <http://www.usco.vn>*

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

---

**Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## Công ty cổ phần Khảo sát và xây dựng - USCO

### Năm 2016

#### I. Thông tin chung

##### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: *Số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/01/2015.*
- Vốn điều lệ: *55.000.000.000 đồng*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: *55.000.000.000 đồng*
- Địa chỉ: *Số 91 Phùng Hưng, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
- Số điện thoại: *(84-4). 38252725*
- Số fax: *(84-4). 38245708*
- Website: *<http://www.usco.vn>*
- Mã cổ phiếu (nếu có): **USC**

##### *Quá trình hình thành và phát triển*

Công ty cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO trước kia là Công ty TNHH nhà nước một thành viên Khảo sát và Xây dựng. Trước tháng 7/2006 Công ty trực thuộc Bộ Xây dựng, từ ngày 21/7/2006 Công ty trực thuộc Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam, Bộ Xây dựng.

Tiền thân của Công ty là Viện Khảo sát địa chất trực thuộc Bộ Kiến trúc (Nay là Bộ Xây dựng) được thành lập ngày 06/10/1960 theo Quyết định số 746/BKT ngày 06/10/1960 của Bộ Kiến trúc.

Ngày 14/4/1964 được chuyển Viện Khảo sát địa chất thành Viện Khảo sát đo đạc trực thuộc Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng) theo Quyết định số 415/BKT ngày 14/4/1964 của Bộ Kiến trúc.

Từ 30/5/1975 chuyển Viện Khảo sát đo đạc thành Công ty Khảo sát đo đạc trực thuộc Bộ theo Quyết định số 292/BXD ngày 30/5/1975 Bộ Xây dựng.

Từ tháng 8/1976 chia tách Công ty Khảo sát đo đạc thành 2 Công ty: Công ty Khảo sát Vật liệu xây dựng và Công ty Khảo sát đo đạc.



Từ 07/7/1978 Thành lập Liên hiệp các xí nghiệp Khảo sát xây dựng trên cơ sở hợp nhất hai Công ty (Khảo sát vật liệu xây dựng và Khảo sát đo đạc) theo Quyết định số 1187/BXD-TCCB ngày 07/7/1978 của Bộ Xây dựng. Tên tiếng Anh là Union of Survey Companies, tên viết tắt là USCO.

Từ 06/01/1996 thành lập Công ty Tư vấn Khảo sát đo đạc trên cơ sở chấm dứt hoạt động của Liên hiệp các xí nghiệp khảo sát xây dựng theo Quyết định số 17/BXD-TCLĐ ngày 06/01/1996 của Bộ Xây dựng (USCO).

Từ 19/3/1997 đổi tên Công ty Tư vấn Khảo sát và đo đạc thành Công ty Khảo sát và Xây dựng (USCO) theo Quyết định số 166/BXD-TCLĐ ngày 19/3/1997 của Bộ Xây dựng.

Từ 11/5/2004 chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Khảo sát và Xây dựng (USCO) theo Quyết định số 11/QĐ-BXD ngày 11/5/2004 của Bộ Xây dựng.

Từ 04/10/2004 sửa đổi tên đầy đủ Công ty TNHH một thành viên Khảo sát và Xây dựng thành Công ty TNHH nhà nước một thành viên Khảo sát và Xây dựng (USCO) theo Quyết định số 1546/QĐ-BXD ngày 04/10/2004 của Bộ Xây dựng.

Từ ngày 21/7/2006 Chuyển Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng sang trực thuộc Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam, Bộ Xây dựng theo Quyết định số 1061/QĐ-BXD ngày 21/7/2006 của Bộ Xây dựng.

Ngày 26/9/2014, Công ty được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khảo sát và Xây dựng thành công ty cổ phần theo quyết định số 1190/QĐ-BXD và được điều chỉnh bởi Quyết định 1526/QĐ-BXD ngày 23/12/2014 của Bộ Xây dựng.

Ngày 10/12/2014, Công ty đã tổ chức thành công bán đấu giá lần đầu ra bên ngoài tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trong đó:

- Số cổ phần đưa ra đấu giá: 1.618.500 cổ phần
- Giá khởi điểm: 10.100 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần bán được 1.618.500 cổ phần
- Giá đầu thành công bình quân: 10.111 đồng/cổ phần
- Tổng số nhà đầu tư trúng giá: 24 NĐT
- Tổng giá trị cổ phần bán được: 16.364.950.000 đồng

Ngày 31/12/2014, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập.

Ngày 12/01/2015, Công ty TNHH Một thành viên Khảo sát và Xây dựng được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107123, đăng ký lần đầu ngày 15/10/2004 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 55.000.000.000 đồng.

Ngày 8/12/2016, Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 8055/UBCK-GSĐC của UBCKNN.

Ngày 5/01/2017, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 07/2017/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 5.500.000 cổ phiếu.

Ngày 6/02/2017, Công ty chính thức đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường UPCoM.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- **Hiện nay công ty đang cung cấp dịch vụ chủ yếu như sau:** Tư vấn khảo sát, thiết kế và xây lắp cho các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, cấp nước, thoát nước và môi trường; Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò VLXD, đo đạc địa hình, thăm dò các mỏ kim loại, xử lý nền móng các công trình xây dựng; đầu tư các dự án bất động sản; Tư vấn xây dựng, kiểm định chất lượng xây dựng và công tác thí nghiệm. Cụ thể như sau:

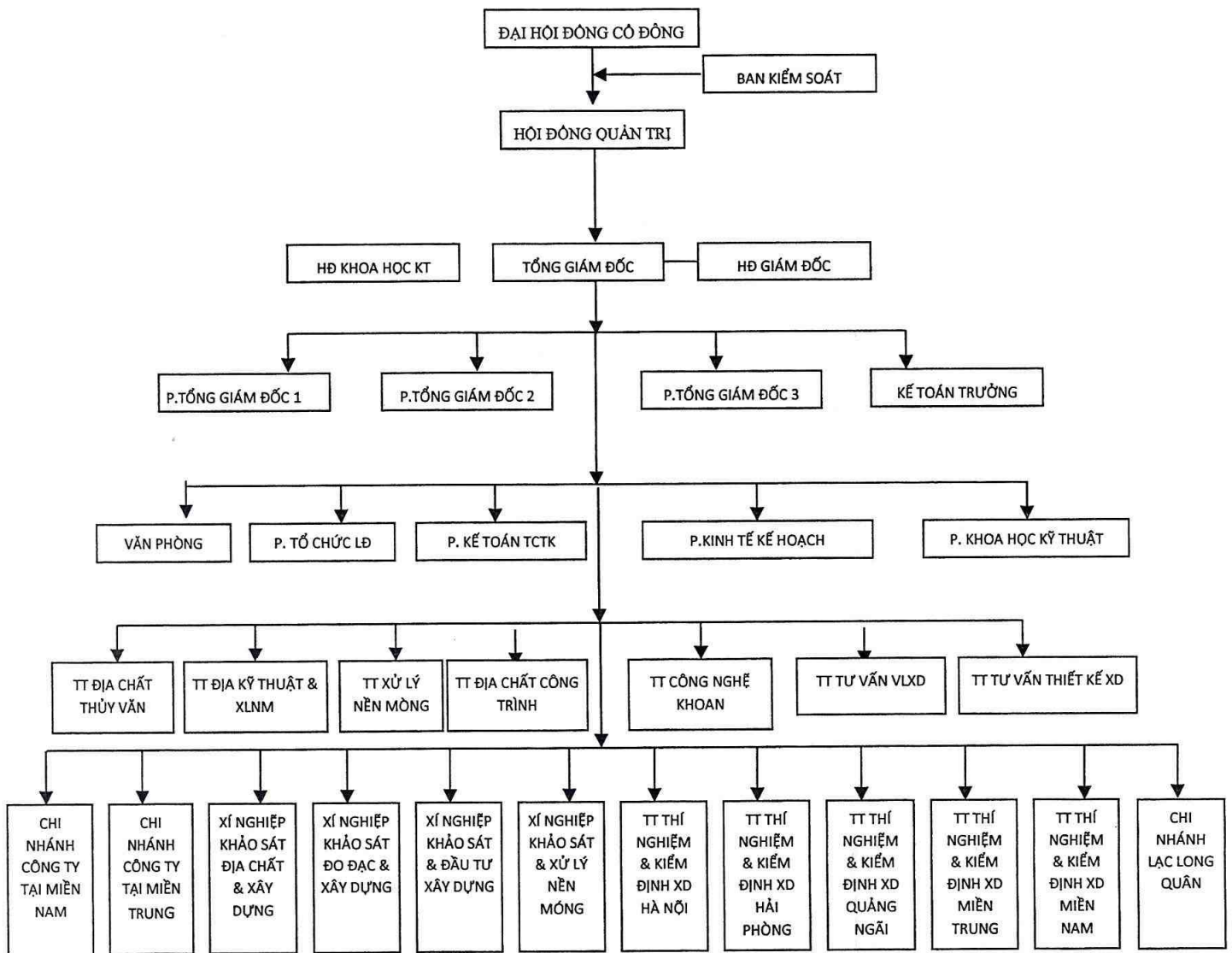
- Thiết kế công trình khai thác mỏ lộ thiên;
- Thiết kế, lập tổng dự toán và giám sát thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng, thiết kế quy hoạch chi tiết khu công nghiệp, dân cư;
- Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Đo đạc thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính;
- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng;
- Thiết kế các công trình thoát nước và xử lý nước thải.

- Địa bàn kinh doanh: Hiện tại công ty cung cấp dịch vụ trên địa bàn khắp cả nước.

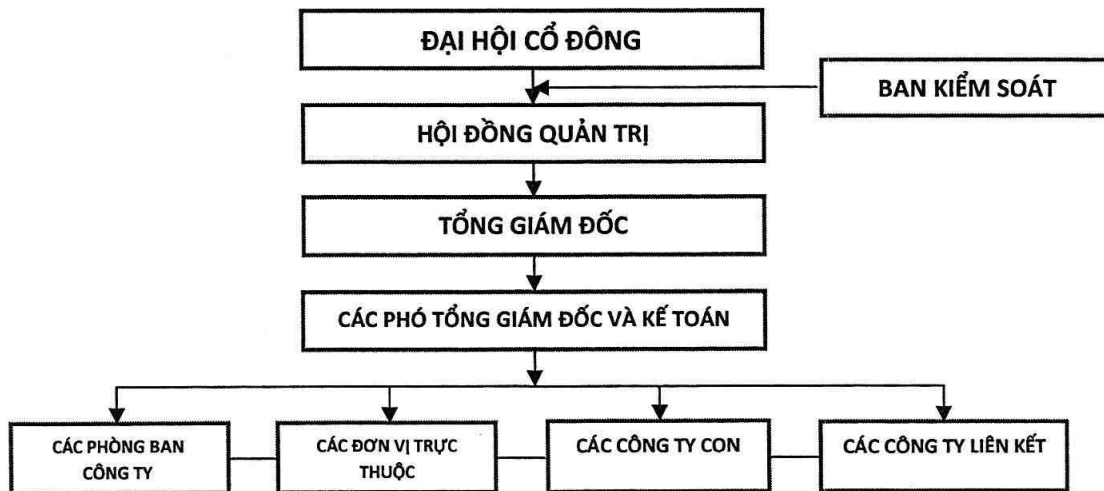
## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



- Cơ cấu tổ chức – quản lý Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO



- Cơ cấu bộ máy quản lý:



**Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty cổ phần.

**Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

**Tổng giám đốc:** Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

**Phó Tổng giám đốc:** Phó Tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty theo sự phân công hoặc ủy quyền của Tổng Giám đốc.

**Kế toán trưởng:** Kế toán trưởng phụ trách thực hiện công tác tài chính, kế toán thống kê của Công ty.

**Các phòng ban chức năng Công ty:** Thực hiện các chức năng quản lý theo nhiệm vụ được phân công, bao gồm:

- Phòng Tổ chức.
- Văn phòng Công ty.
- Phòng Kế toán tài chính.
- Phòng Kinh tế Kế hoạch.
- Phòng Khoa học kỹ thuật.

**Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty:**

Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trực thuộc Công ty. Bao gồm các trung tâm:



- Trung tâm địa chất thủy văn
- Trung tâm địa chất công trình
- Trung tâm Địa kỹ thuật xử lý nền móng.
- Trung tâm Công nghệ khoan
- Trung tâm xử lý nền móng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế xây dựng
- Trung tâm Tư vấn Vật liệu xây dựng

**Các Công ty con:** Là các Công ty thành viên có số vốn góp đầu tư hoặc có số cổ phần của Công ty USCO trên 50% vốn điều lệ của công ty thành viên.

**Các Công ty liên kết:** Là các Công ty thành viên có số vốn góp đầu tư hoặc có số cổ phần của Công ty USCO dưới 50 % vốn điều lệ của công ty thành viên.

Các công ty con hoặc Công liên kết của Công ty USCO được tổ chức dưới hình thức là công ty cổ phần hoặc công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Hiện nay, Công ty có 12 đơn vị thành viên là các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc, có con dấu và tài khoản riêng. Các đơn vị trực thuộc của Công ty hiện có trụ sở nằm trên nhiều địa phương trong cả nước. Dựa theo vị trí địa lý, quy mô sản xuất của từng đơn vị, đặc thù vùng miền và ngành nghề kinh doanh, sau khi thực hiện xong cổ phần hóa của Công ty USCO, trong giai đoạn 2015 – 2018, Công ty sẽ tái cơ cấu chuyển đổi một số chi nhánh của Công ty hiện tại thành các Công ty con hoặc Công ty liên kết và đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty. Việc quyết định thành lập các công ty con và công ty liên kết sẽ được xem xét ở từng thời điểm thích hợp và được thông qua Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần USCO và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

#### 4. Định hướng phát triển

**Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO** là lấy lĩnh vực khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò VLXD, đo đạc địa hình, đo đạc công trình là chính, mở rộng các lĩnh vực khác như xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, thăm dò các mỏ kim loại, xử lý nền móng các công trình xây dựng; đầu tư các dự án bất động sản trên cơ sở tiềm năng sẵn có của Công ty.

#### 5. Các rủi ro:

- Rủi ro về lãi suất: Trong năm, lãi suất ngân hàng tương đối ổn định và có xu hướng giảm cả chiều huy động và chiều cho vay. Công ty không vay ngân hàng hay các tổ chức tín dụng nên không chịu ảnh hưởng bởi lãi suất cho vay.
- Rủi ro về lạm phát: Tình hình lạm phát trong năm qua tương đối ổn định, giá cả các mặt hàng đầu vào là nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất của Công ty như dầu diezen, bột



bentonit, mũi khoan, cần khoan, ống chống, giấy in, mực in...biến động không lớn nên ít gây ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty

- Biến động về tỷ giá: Công ty có một số hợp đồng ký với nhà đầu tư nước ngoài, có phát sinh ngoại tệ là đồng USD nhưng giá trị không lớn, ít phát sinh, ngoại tệ về bán ngay nên chênh lệch tỷ giá không đáng kể, không có ảnh hưởng trọng yếu đến chi phí cũng như doanh thu của doanh nghiệp.

- Rủi ro về tăng trưởng kinh tế: Nền kinh tế nói chung có phục hồi nhưng tăng trưởng chậm. Mặt khác, khảo sát địa chất, khảo sát vùng nguyên liệu cho các nhà máy xi măng là lĩnh vực hoạt động chính mang lại doanh thu, lợi nhuận lớn cho công ty thì hiện nay Nhà nước đang hạn chế đầu tư nên công ty gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm công ăn việc làm.

- Rủi ro về ngành nghề: Công ty vẫn coi khảo sát địa chất, địa hình, khoan thăm dò nguồn nguyên liệu, thí nghiệm mẫu, thí nghiệm vật liệu... là thế mạnh chủ lực. Tuy nhiên, hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp mở thêm các ngành nghề này với giá cả rất thấp tạo ra sự cạnh tranh khốc liệt nên thị trường của công ty ngày càng thu hẹp. Ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng, doanh thu và lợi nhuận cũng như đời sống của người lao động trong công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### a, Đánh giá chung

Năm 2016 vẫn còn hiện hữu rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam trong tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng và giao thông. Trong đó khó khăn nhất là lĩnh vực mũi nhọn truyền thống của Công ty đó là công việc về khảo sát, đo đạc, thí nghiệm kiểm định. Nguồn công việc mới trên thị trường đã ít lại còn chịu sự cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt về giá dẫn đến những doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm, làm việc khoa học bài bản như Công ty phải chịu nhiều thiệt thòi, áp lực. Nhưng với sự chung sức đoàn kết một lòng của tập thể lãnh đạo, sự chia sẻ, gắn bó của toàn thể CBCNV toàn Công ty và sự ủng hộ nhiệt tình có hiệu quả của Tổng Công ty VNCC, Bộ Xây dựng, các bạn hàng, cán bộ công nhân viên và ban lãnh đạo Công ty đã cùng nhau vượt qua nhiều khó khăn và đã đạt được những thành kết quả rất khả quan, thể hiện những điểm chính sau:

1. Hoàn thành vượt 100% các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chính đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua.

2. Tình hình tài chính của Công ty được củng cố, ổn định và lành mạnh.

3. Năm 2016 Công ty đã ban hành và áp dụng thang bảng lương mới để đóng BHXH cho người lao động theo đúng quy định và đã thực hiện chế độ đóng BHXH, BHYT, BHYT đầy đủ (tuy nhiên ở một số đơn vị do khó khăn về vốn nên tình trạng nợ đọng bảo hiểm vẫn còn tồn tại).

4. Chủ động trong công tác lập, đánh giá, báo cáo công tác thực hiện kế hoạch SXKD.



5. Công tác quyết toán thu hồi vốn đã tích cực đơn đốc giải quyết, tuy nhiên do nhiều Chủ đầu tư còn rất khó khăn về vốn, hồ sơ thanh quyết toán còn thiếu nên công nợ tồn đọng từ nhiều năm hiện vẫn còn khá lớn.

6. Công tác kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty đã được thực hiện đồng bộ, thường xuyên ở các phòng ban và các đơn vị trực thuộc. Trong năm 2016 vẫn chưa kiện toàn được nhân sự Ban điều hành Công ty.

7. Công tác quản trị: Xây dựng hoàn thiện và triển khai tốt các quy chế quản lý, nội quy, quy định nội bộ. Phân công và giao nhiệm vụ cho mỗi cấp rõ ràng, đúng chức trách nhiệm vụ, công tác tổ chức nhân sự ở các phòng và các chi nhánh của Công ty được đánh giá nghiêm túc đảm bảo tính kế thừa và phát triển. Năm 2016 đã bổ nhiệm mới 01 giám đốc Chi nhánh và bồi dưỡng, chuẩn bị tốt 01 nhân sự chuẩn bị thay vị trí giám đốc Chi nhánh Miền Trung về nghỉ chế độ.

8. Hệ thống các văn bản, quy định, quy trình được triển khai theo đúng quy định của hoạt động doanh nghiệp. Trong năm Công ty đã tiếp tục rà soát, bổ sung, sửa đổi một số qui chế qui định nội bộ để phù hợp với mô hình hoạt động mới, rà soát bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ đúng quy định tạo nguồn để theo dõi, đạo tạo phục vụ công tác giới thiệu, bổ nhiệm cán bộ. Liên tục cập nhật và phổ biến kịp thời các chế độ chính sách mới ban hành của Nhà nước, qui định của Pháp luật nhằm đáp ứng kịp thời đáp ứng công tác quản lý và điều hành sản xuất.

9. Tích cực đẩy nhanh tiến độ làm thủ tục cấp phép đầu tư các dự án.

### **b, Những nét chính về kết quả kinh doanh năm 2016**

Hiện nay do yêu cầu của Chính Phủ hạn chế đầu tư mới các dự án xi măng do đó các công việc thăm dò mỏ nguyên liệu, khảo sát ĐCCT phục vụ dự án nhà máy xi măng nguồn đem lại sản lượng và doanh thu lớn cho Công ty hàng năm đã giảm mạnh. Đối với công tác khảo sát ĐCCT phục vụ cho các dự án cơ sở hạ tầng hiện nay Công ty phải cạnh tranh về giá với rất nhiều đơn vị trên thị trường nên khối lượng thực hiện lớn nhưng giá trị hợp đồng ký được rất thấp

*Kết quả sản xuất kinh doanh ở các lĩnh vực cụ thể như sau:*

- Lĩnh vực khảo sát, đo đạc: Đạt GTSL 72,935 tỷ, chiếm 55.19% GTTSL là lĩnh vực vẫn tiếp tục phát huy được ưu thế chủ đạo với các hợp đồng khảo sát cho một số dự án như:

- Thăm dò mỏ: Khảo sát đánh giá tài nguyên mỏ sét Nghi Văn; Thăm dò mỏ Bazan tại Nghệ An.

- Khảo sát ĐCCT: Khảo sát ĐCCT Cáp treo Yên Tử; Khảo sát ĐCCT Nhà thể chất trường cao đẳng nghề Việt Xô số 1; Khảo sát ĐCCT mặt bằng xi măng Tân Thắng; Khảo sát ĐCCT Dự án Đầu tư Nhà máy sứ Viglacera Mỹ Xuân công suất 750.000 sản phẩm/năm tại Vũng Tàu; Khảo sát ĐCCT Trạm nghiền XM FICO Bến Tre; Khảo sát ĐCCT bãi đỗ xe tại



khu đô thị tây hồ Tây; Khảo sát ĐCCT cụm nhà xưởng KCN Phú Hà; Khảo sát ĐCCT hạng mục Quảng trường biểu tượng Cột cờ Hà Nội tại Cà Mau; Khảo sát ĐCCT tổ hợp văn phòng, khách sạn, căn hộ cao cấp HH1/D6, Phú Thượng – Tây Hồ - Hà Nội; Khảo sát phục vụ thiết kế bản vẽ thi công khu đô thị mới Bắc Sông Cấm – Hải Phòng ...

- Khảo sát ĐCTV: Khoan thăm dò và khai thác nước dưới đất cấp nước cho khu nhà cao cấp Ba Đình và Khu đô thị Minh Giang Đầm Và; Khoan thay thế giếng H10 nhà máy nước Yên Phụ; Khoan thay thế giếng H12 Nhà máy nước Ngọc Hà; Khoan thăm dò và khai thác nước dưới đất công suất 1900 m<sup>3</sup>/ngày thuộc Dự án xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho cả xã huyện Sóc Sơn...

- Đo đạc bản đồ: Đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/10.000 thị xã Phổ Yên – Thái Nguyên; Đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/10.000 thị xã Kỳ Anh – Hà Tĩnh; Đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 khu đô thị dịch vụ FPT tại Đồng Nai; Khảo sát lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 quy hoạch khu Rạch Vẹm – Phú Quốc – Kiên Giang; Khảo sát địa hình, thủy văn khu công nghiệp Quy Đức, huyện Bình Chánh – TP HCM; Khảo sát địa hình công trình Dự án FLC Sầm Sơn Golf Links và khu đô thị du lịch sinh thái FLC Sầm Sơn

- Quan trắc lún công trình: Quan trắc chuyển dịch công trình Dự án nhà ở để bán kết hợp văn phòng và dịch vụ Riverside Garden; Quan trắc lún công trình Dự án nhà ở cho cán bộ cảnh sát Tổng cục Cảnh sát – Bộ Công an; Quan trắc bồi lắng lòng hồ chu kỳ 0 tại nhà máy thủy điện Khe Bó; quan trắc lún tuyến tàu điện ngầm Nhôn – Ga Hà Nội ...

- Lĩnh vực Thí nghiệm và kiểm định: Đạt GTSL 20,74 tỷ, chiếm 15,6% GTTSL. Các Trung tâm thí nghiệm và KĐXD đóng trụ sở ở một số địa phương trên cả nước tiếp tục khẳng định được thương hiệu uy tín của mình trên thị trường. Ngoài những công trình do Công ty giao các Trung tâm TN & KĐXD đã chủ động tìm kiếm nguồn công việc để duy trì và ổn định sản xuất.

- Lĩnh vực xử lý nền móng và xây lắp: Đạt GTSL 38,48 tỷ đồng chiếm 29,12% GTTSL, hoàn thành vượt kế hoạch và tăng nhiều so với cùng kỳ năm trước. Để đạt được kết quả này trong năm 2016 Công ty đã ký hợp đồng và hoàn thành một số công trình: Khoan cọc nhồi đại trà Khu điều trị chất lượng cao bệnh viện đa khoa Thái Bình; Khoan cọc nhồi tại cầu Đồng Cao thuộc dự án cao tốc Hạ Long – Vân Đồn; Khoan cọc nhồi D1000 mm tại gói thầu thi công cầu Mông Dương; Sửa chữa nhà khách 37 Hùng Vương Hà Nội; Xây dựng cơ sở vật chất dự án: Nâng cao năng lực thiết bị, sửa chữa tàu thuyền cho lực lượng cảnh sát biển vùng 4 – Phú Quốc.

- Lĩnh vực đầu tư, XDCB năm 2016:

+) Công tác đầu tư máy thiết bị thi công chưa triển khai do tín hiệu nguồn công việc từ thị trường chưa tốt (nếu đầu tư thời điểm này sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư). Công ty chủ trương ưu tiên vốn cho sản xuất, chỉ tiến hành đầu tư khi thực sự có nhu cầu cấp bách phục vụ sản xuất.



+) Về việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng năm 2016 của Công ty như sau:

- Dự án tại Số 5 Lạc Long Quân – Hà Nội: Do dự án còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc về thủ tục pháp lý chờ ý kiến của UBND thành phố Hà Nội về việc thống nhất phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa nên hiện chưa hoàn tất thủ tục đầu tư, vì vậy năm 2016 chưa thể triển khai thực hiện. Công ty giao cho XN Khảo sát và Đầu tư xây dựng là đơn vị trong Công ty có chức năng kinh doanh vật tư, kho bãi được phép tạm sử dụng đất để có kinh phí đóng thuế sử dụng đất, tránh lãng phí và sử dụng đất có hiệu quả, đồng thời giữ được đất cho Dự án trong khi chờ đợi điều kiện thuận lợi là có thể thu hồi triển khai thực hiện Dự án.

- Dự án Văn phòng, khu nhà ở CBCNV Công ty Khảo sát xây dựng tại Tứ Kỳ – Thanh Trì - Hà Nội: Ngày 27/01/2015 UBND thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận đầu tư số 01121001775 cho liên danh 02 nhà đầu tư gồm Công ty TNHH Nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng và Công ty cổ phần Xây lắp và dịch vụ Phương Thắng.

Đến ngày 10/12/2015 đã lấy được trích lục bản đồ quy hoạch sử dụng đất 1/500 từ Sở Quy hoạch Kiến trúc. Hiện liên danh hoàn thành bước thỏa thuận Tổng mặt bằng 1/500 với sở QHKT Hà Nội.

Hiện nay Công ty Phương Thắng cũng đang thực hiện các thủ tục xin giao đất tại STN&MT và UBND thành phố Hà Nội.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016	TH 2016 (theo BCTC đã được kiểm toán)	Tỷ lệ TH 2016 so với KH 2016
	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	125.0	132,15	106 %
	Tổng giá trị doanh thu	-	115.0	117.2	102 %
	Lợi nhuận trước thuế	-	5.0	5.002	100 %
	Nộp NSNN	-	12.5	15.593	125 %
	Tỷ lệ chia cổ tức	%	65% LNST		
	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/thg	6	6.2	103%

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:



STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Trọng Thoáng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2	Trần Ngọc Sang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
3	Vũ Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành:

<b>1. Ông: Nguyễn Trọng Thoáng</b>	<b>Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc</b>
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	07/5/1972
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	034072000031
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	91 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại	0913517422
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ XDCT Thủy
- Quá trình công tác:	
+ Từ tháng 10/1996 – 7/2004	Thí nghiệm viên – TT thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 8/2004 – 12/2009	Phó Giám đốc - TT thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 01/2010 – 8/2011	Giám đốc – TT thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 9/2011 - 11/2012	Phó Tổng giám đốc – Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và xây dựng kiêm Giám đốc – TT thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 11/2012 - 7/2013	Phó Tổng giám đốc – Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và xây dựng
+ 8/2013 – 12/2014	Tổng giám đốc – Công ty TNHH nhà nước MTV





<b>1. Ông: Nguyễn Trọng Thoáng</b>	<b>Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc</b>
	<i>Khảo sát và xây dựng</i>
+ 01/2015 – nay	<i>Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Khảo sát và xây dựng - USCO</i>
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	1.411.600 cổ phần, chiếm 25,67% VDL. Trong đó: - Cổ phần sở hữu cá nhân là 36.700 CP chiếm 0,67% VDL - Cổ phần đại diện sở hữu của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam – CTCP: 1.374.900 CP chiếm 25% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

<b>2. Ông: Trần Ngọc Sang</b>	<b>Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng GD</b>
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	23/3/1967
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	037067000035
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 6 Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
-Điện thoại:	0987666889
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Địa chất công trình
- Quá trình công tác:	
+ Từ tháng 01/1997 đến tháng 10/2005	<i>Công tác tại Công ty Tư vấn Xây dựng dân dụng Việt Nam</i>



<b>2. Ông: Trần Ngọc Sang</b>	<b>Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng GD</b>
+ Từ tháng 01/2006 đến tháng 10/2009	Phó giám đốc XN Khảo sát và KĐXD, Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam
+ Từ tháng 11/2009 đến tháng 7/2010	Giám đốc Trung tâm Địa kỹ thuật và Xử lý nền móng – Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng
+ Từ 08/8/2010 đến 31/12/2014	Phó tổng giám đốc Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO
+ Từ 01/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	36.284 cổ phần, chiếm 0,66% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

<b>3. Bà Vũ Thị Thanh Huyền</b>	<b>Chức vụ: Kế toán trưởng</b>
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	4/3/1979
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	025179000435
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	P.504 Nhà C Tập thể Vật liệu Điện, P. Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
-Điện thoại	04-3923-2825
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế





<b>3. Bà Vũ Thị Thanh Huyền</b>	<b>Chức vụ: Kế toán trưởng</b>
- Quá trình công tác:	
+ 11/2003 – 9/2010	Nhân viên Phòng Kế toán Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng
+ 10/2010 – 3/2015	Phó phòng Kế toán Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng nay là Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO
+ Từ tháng 4/2015	Kế toán trưởng Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần nắm giữ	5.276 cổ phần chiếm 0,096% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

**Về số lượng lao động:** tổng số lao động của Công ty USCO là 343 người, trong đó, số lượng viên chức quản lý là 03 người, số lượng lao động tại phòng, ban công ty là 50 người, tại các đơn vị thành viên trực thuộc và đơn vị sản xuất thuộc Cơ quan công ty là 293. Cơ cấu lao động của Công ty được nêu chi tiết trong bảng sau:

Nội dung	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>Phân loại theo thời hạn hợp đồng</b>	<b>343</b>	<b>100%</b>
Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	4	1,17
Hợp đồng không xác định thời hạn (A)	278	81,05
Hợp đồng thời hạn từ 1 đến 3 năm (B)	60	17,49
Lao động dưới 1 năm	1	0,29
<b>Phân loại theo trình độ lao động</b>	<b>343</b>	<b>100%</b>
Trên đại học	12	3,50
Kỹ sư, cử nhân	181	52,77
Cao đẳng	86	25,07

Trung cấp	15	4,37
Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	40	11,66
Lao động phổ thông	9	2,63
<b>Phân loại theo giới tính</b>	<b>343</b>	<b>100%</b>
Nam	255	74,34
Nữ	88	25,66
<b>Phân loại theo độ tuổi lao động</b>	<b>343</b>	<b>100%</b>
Dưới 26	19	5,54
Từ 26 – 30	87	25,36
Từ 31- 35	91	26,53
Từ 36 – 40	76	22,16
Từ 41 – 45	35	10,20
Từ 46 – 50	13	3,79
Từ 51 – 55	08	2,33
Từ 56 – 60	14	4,09
<b>Phân loại theo địa điểm</b>	<b>343</b>	<b>100%</b>
Tại các Văn phòng Công ty (gồm VCQL)	48	13,99
Tại chi nhánh (đơn vị trực thuộc, đơn vị SX)	295	86,01

USCO có nguồn nhân lực với chất lượng tương đối cao, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm trên 50%. Với ngành nghề kinh doanh chủ yếu là Tư vấn khảo sát phục vụ cho xây dựng, USCO luôn đặt mục tiêu là doanh nghiệp khoa học – sản xuất và có những điểm mạnh sau:

- ✓ Cơ cấu đội ngũ lao động tương đối phù hợp về trình độ (theo các cấp độ đào tạo khác nhau phù hợp với công việc đảm nhận) và về kinh nghiệm làm việc.
- ✓ Đội ngũ cán bộ được đào tạo tương đối bài bản, có kiến thức và kỹ năng tốt về lĩnh vực khảo sát, xây dựng.
- ✓ Hầu hết cán bộ, công nhân viên đều có tâm huyết, gắn bó với Công ty với trên 80% tổng số lao động có hợp đồng không xác định thời hạn. Các cán bộ công nhân viên trong Công ty đều có ý thức xây dựng Công ty ngày càng lớn mạnh, chấp hành tốt kỷ luật lao động, có kỹ năng làm việc tốt.

**Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:** Hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho CBCNV tham gia tập huấn, cập nhật các chế độ, chính sách mới, cập nhật công nghệ mới, đào tạo nâng lương, nâng bậc ...; Công ty đã xây dựng được hệ thống thang, bảng lương và đã được phòng Lao động thương binh và xã hội Quận Hoàn Kiếm chấp thuận áp dụng.



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Xem tại mục II. Tình hình hoạt động trong năm

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính (đơn vị tính đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	143.825.352.719	157.970.346.413	+10%
Doanh thu thuần	114.096.265.427	117.203.324.945	+3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.778.373.964	3.114.864.373	+12%
Lợi nhuận khác	1.864.034.589	1.887.558.120	+1%
Lợi nhuận trước thuế	4.642.408.553	5.002.422.493	+8%
Lợi nhuận sau thuế	3.585.655.156	3.922.389.887	+9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	65%LNST	65%LNST	0

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,36	1,34	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	0,86	0,89	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,59	0,62	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,45	1,66	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,34	2,18	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,79	0,74	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,06	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,03	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phát hành: 5.500.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do của cổ đông: 5.249.300 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 250.700 cổ phần
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài: Không có

b) Cơ cấu cổ đông:

• Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>I. Cổ đông trong nước</b>			
Tổ chức	1	3.176.600	57,76
Cá nhân	314	2.323.400	42,24
<b>II. Cổ đông nước ngoài</b>			
Tổ chức	0	0	0
Cá nhân	0	0	0
<b>III. Cổ phiếu quỹ</b>			
<b>Tổng</b>	<b>315</b>	<b>5.500.000</b>	<b>100</b>



**• Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

ST T	Tên cổ đông	Số CMT/Hộ chiếu/GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn Tồn	011259336	Số 08, Ngõ Liên Trì, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	564.565	10,26%
2	Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	0100105278	243 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội	3.176.600	57,76%
<b>Tổng cộng</b>				<b>3.741.165</b>	<b>68,02%</b>

**• Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ:**

Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước thực hiện Cổ phần hóa và không có cổ đông sáng lập tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần (12/1/2015).

**• Công ty mẹ: Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP**

Địa chỉ : 243A Đê La Thành – P. Láng Thượng – Q. Đống Đa – Tp. Hà Nội.  
 Điện thoại : 84.4) 37 667 463 - 37 667 471  
 Giấy CNĐKDN : 0100105278 đăng ký lần đầu ngày 31/12/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 7/10/2016  
 Hoạt động kinh doanh chính : Tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan  
 Vốn điều lệ : 357.744.480.000 đồng  
 Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2016 : 57,76%  
 Giá trị vốn góp : 31.766.000.000 đồng

**• Công ty con: Không có**

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Năm 2016, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Năm 2016, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: không có.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có

#### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Công ty chủ yếu sử dụng điện phục vụ các hoạt động văn phòng tại Công ty và các chi nhánh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Ưu tiên sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, hạn chế sử dụng điện trong giờ cao điểm.

#### 6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty chủ yếu sử dụng nguồn nước máy phục vụ các hoạt động văn phòng tại Công ty và các chi nhánh.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có.

#### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động: 305 người, mức lương trung bình đối với người lao động là 6.200.000 đồng/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty đã ban hành và áp dụng thang bảng lương mới để đóng BHXH cho người lao động theo đúng quy định.

Thực hiện chế độ đóng BHXH, BHTN, BHYT đầy đủ (tuy nhiên ở một số đơn vị do khó khăn về vốn nên tình trạng nợ đọng bảo hiểm vẫn còn tồn tại).

Công đoàn Công ty luôn bám sát nhiệm vụ tập trung chỉ đạo các CĐCS trực thuộc thực hiện tốt mục tiêu kế hoạch được giao. Các đồng chí trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành luôn bám sát cơ sở để chỉ đạo và tham gia tổ chức các phong trào thi đua sản xuất (nhất là ở các công trình trọng điểm có số lượng cán bộ, công nhân tham gia lớn như: dự án khoan cọc nhồi bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình; dự án khảo sát phục vụ thiết kế bản vẽ thi công khu đô thị mới Bắc sông Cẩm – Hải Phòng).

Làm tốt công tác tư tưởng, tuyên truyền hiểu biết kiến thức pháp luật và các quy định của Nhà nước, của Công ty nên năm 2016 mặc dù việc làm, thu nhập của người lao động trong Công ty còn thấp nhưng toàn công ty không để xảy ra đình công, lãn công, khiếu kiện tập thể.



Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, các công đoàn cơ sở hàng năm thường xuyên tổ chức cho CBCNV đi tham quan nghỉ mát. Phong trào văn nghệ, thể thao tại một số đơn vị được duy trì và phát triển đều đặn. Hàng năm Công ty đều tiến hành tổ chức Hội thao, Văn nghệ chào mừng những ngày lễ lớn của đất nước và kỷ niệm ngày thành lập Công ty (6/10 hàng năm), tạo không khí phấn khởi, thắt chặt tình đoàn kết, giao lưu giữa CBCNV các đơn vị và được đồng đảo CBCNV-LĐ tham gia.

Tổ chức thành công hội thi cán bộ công đoàn giỏi năm 2016.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Công ty thường xuyên tổ chức, cử đi tập huấn tại các lớp đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn cho đội ngũ cán bộ, công nhân nhằm nâng cao trình độ kỹ thuật, tay nghề.

- Tổ chức và đăng ký cho người lao động tham gia các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

#### *6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*

Công ty vận động CBCNV quyên góp ủng hộ các quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào các tỉnh Miền Trung bị thiên tai, ủng hộ các gia đình bị cháy trên phố Phùng Hưng ...

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc**

#### *1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

- Năm 2016 mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh trong nước gặp nhiều khó khăn và không thuận lợi, kết quả đã đạt được năm 2016 cho thấy toàn Công ty đã có rất nhiều nỗ lực cố gắng để vượt qua khó khăn thử thách. Sản lượng, Doanh thu, lợi nhuận và các khoản trích nộp ngân sách đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra.

- Về cơ cấu giá trị sản xuất năm 2016: Giá trị công tác Khảo sát-Tư vấn-Thiết kế chiếm tỷ trọng là 55,19%, Thí nghiệm và kiểm định là 15,6%, Xử lý nền móng-xây lắp và công việc khác còn lại là 29,12%. Như vậy năm 2016 mặc dù trong điều kiện sản xuất kinh doanh khó khăn nhưng giá trị sản lượng trong các lĩnh vực mũi nhọn của Công ty vẫn có sự phát triển ổn định với mức tăng trưởng khá.

- Một số hợp đồng và công tác thăm dò mỏ vật liệu đã ký được từ năm trước với giá trị sản xuất tương đối khá, tuy nhiên việc triển khai thi công lại gặp rất nhiều khó khăn, không thuận lợi (do thủ tục với các cơ quan quản lý Nhà nước còn vướng mắc chưa phê duyệt được ...).

- Hiện nay các nguồn công việc thăm dò mỏ nguyên liệu, khảo sát ĐCCT phục vụ dự án nhà máy xi măng đem lại sản lượng và doanh thu lớn cho Công ty hàng năm đã giảm đi đáng kể, do yêu cầu của Chính Phủ hạn chế đầu tư mới các dự án xi măng. Đối với công tác khảo sát ĐCCT phục vụ cho các dự án cơ sở hạ tầng hiện nay Công ty phải cạnh tranh về giá với rất nhiều đơn vị trên thị trường nên khối lượng thực hiện lớn nhưng giá trị hợp đồng ký được rất thấp:

- Các dự án do Công ty làm chủ đầu tư dự kiến triển khai bước thi công trong năm 2016, Công ty hiện chưa thực hiện được do chưa hoàn thiện các thủ tục pháp lý của dự án và phía đối tác đang gặp khó khăn về nguồn vốn.

- Công tác quyết toán thu hồi vốn đã tích cực đôn đốc giải quyết, tuy nhiên do nhiều Chủ đầu tư còn rất khó khăn về vốn, hồ sơ thanh quyết toán còn thiếu nên công nợ tồn đọng từ nhiều năm hiện vẫn còn khá lớn.

- Trong năm một số đơn vị trong Công ty đã có rất nhiều nỗ lực cố gắng đạt được kết quả khá ấn tượng về GTSL và Doanh thu vượt kế hoạch giao và so với cùng kỳ, đó là các đơn vị: Chi nhánh Công ty tại Miền Nam; Xí nghiệp khảo sát và xử lý nền móng; Xí nghiệp Khảo sát đo đạc và xây dựng; Trung tâm Địa kỹ thuật và xử lý nền móng ... Bên cạnh đó một số chi nhánh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm nguồn công việc và thu hồi công nợ dẫn đến ảnh hưởng tới tâm lý người lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp như: Trung tâm thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Quảng Ngãi, Trung tâm TN và KĐXD Hải Phòng, Hà Nội, Trung tâm Công nghệ khoan, Trung tâm xử lý nền móng, Trung tâm tư vấn thiết kế, Trung tâm Vật liệu xây dựng ...

## *2. Tình hình tài chính*

### *a) Tình hình tài sản*





	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>132.450.135.484</b>	<b>115.675.681.257</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>15.976.010.748</b>	<b>14.716.932.155</b>
1. Tiền	111		10.676.010.748	5.716.932.155
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.300.000.000	9.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>70.119.688.610</b>	<b>56.706.571.045</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	42.374.118.099	41.147.293.638
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.994.658.773	5.458.956.278
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	20.932.185.238	10.281.594.629
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(181.273.500)	(181.273.500)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>44.702.827.078</b>	<b>42.492.891.869</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.5	44.702.827.078	42.492.891.869
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.651.609.048</b>	<b>1.759.286.188</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.234.113.373	1.283.506.325
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		358.141.727	204.102.412
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	59.353.948	271.677.451
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.520.210.929</b>	<b>28.149.671.462</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	100.000.000	100.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.607.479.014</b>	<b>23.834.189.737</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	19.551.094.214	22.777.804.937
- Nguyên giá	222		73.535.120.595	74.242.472.144
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.984.026.381)	(51.464.667.207)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.056.384.800	1.056.384.800
- Nguyên giá	228		1.056.384.800	1.056.384.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.115.000</b>	<b>3.115.000</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.115.000	3.115.000
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>375.000.000</b>	<b>750.000.000</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.9	375.000.000	750.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.434.616.915</b>	<b>3.462.366.725</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	4.434.616.915	3.462.366.725
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>157.970.346.413</b>	<b>143.825.352.719</b>

Công ty luôn sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản cố định được phân giao cụ thể đến bộ phận quản lý, sử dụng, hàng kỳ được trích khấu hao đầy đủ theo quy định; cuối kỳ thực hiện kiểm kê xác định nguyên nhân chênh lệch (nếu có). Các khoản nợ phải thu đều có đối chiếu công nợ, một số khoản phải thu khách hàng từ nhiều năm đã được trích lập dự phòng theo chế độ kế toán hiện hành. Trong kỳ

*Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO* - 22 -

có biến động tăng về các khoản phải thu ngắn hạn khác, đây chủ yếu là các khoản tạm ứng mới để mua vật tư thi công trình các công trình mà chưa đến kỳ hạn hoàn tạm ứng theo quy định hoặc do điều kiện thi công ở xa nên các đơn vị chưa hoàn tạm ứng kịp thời.

b) Tình hình nợ phải trả

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>98.685.215.160</b>	<b>85.239.697.563</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>98.685.215.160</b>	<b>85.239.697.563</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	9.123.055.303	8.471.206.467
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.477.537.121	11.893.323.679
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	5.747.713.148	11.573.528.657
4. Phải trả người lao động	314		2.554.489.324	1.916.898.213
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	2.365.842.298	10.228.882.130
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.579.499.000	1.354.003.039
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	41.895.494.225	27.090.053.886
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	9.452.349.315	9.402.349.315
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.489.235.426	3.309.452.177
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>59.285.131.253</b>	<b>58.585.655.156</b>
(400 = 410+430)				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>59.285.131.253</b>	<b>58.585.655.156</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.000.000.000	55.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		362.741.366	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.922.389.887	3.585.655.156
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.922.389.887	3.585.655.156
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>157.970.346.413</b>	<b>143.825.352.719</b>
(440 = 300+400)				

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Cơ cấu các khoản nợ phải trả chủ yếu là người mua ứng trước tiền công trình, các khoản nợ phải trả nhà cung cấp chưa đến hạn thanh toán, các khoản phải trả chi phí khoán công trình cho các trung tâm, tổ, đội thi công

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Trong kỳ công ty không có nợ phải trả xấu, ngoại tệ ít có chênh lệch tỷ giá hối đoái nên không có ảnh hưởng lớn.

Chi tiết các khoản phải thu phải trả xin xem chi tiết trong báo cáo tài chính năm 2016

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý



- Năm 2016 là năm thứ hai Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Để đáp ứng yêu cầu sản xuất của các đơn vị Công ty đã từng bước kiện toàn bộ máy lãnh đạo các phòng ban chức năng; bổ nhiệm mới và bổ nhiệm lại các chức danh quản lý tại các đơn vị trực thuộc để đáp ứng kịp thời nhu cầu công việc.

- Trong năm Công ty đã tiếp tục rà soát, bổ sung, sửa đổi một số qui chế qui định nội bộ để phù hợp với mô hình hoạt động mới, rà soát bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ đúng quy định phục vụ công tác giới thiệu bổ nhiệm cán bộ. Cập nhật và phổ biến kịp thời các chế độ chính sách mới ban hành của Nhà nước đáp ứng nhu cầu sản xuất và công tác quản lý.

- Công ty đã ban hành và áp dụng thang bảng lương mới để đóng BHXH cho người lao động theo đúng quy định.

- Thực hiện chế độ đóng BHXH, BHTN, BHYT đầy đủ (tuy nhiên ở một số đơn vị do khó khăn về vốn nên tình trạng nợ đọng bảo hiểm vẫn còn tồn tại).

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục phát huy thế mạnh ngành nghề truyền thống của Công ty đó là khảo sát, đo đạc và thí nghiệm kiểm định, tư vấn quản lý dự. Nghiên cứu thị trường, nắm bắt thời cơ đầu tư đẩy mạnh hoạt động các lĩnh vực xử lý nền móng, xây lắp...

- Tăng cường công tác giao dịch, mở rộng mối quan hệ với các đối tác để tìm kiếm nguồn công việc.

- Giao kế hoạch SX cụ thể, phù hợp tới từng đơn vị, đồng thời thường xuyên theo dõi đơn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị.

- Làm tốt công tác tư tưởng cho CBCNV đồng thời hoàn thiện cơ chế khoán hợp lý hơn để động viên, khuyến khích CBCNV trong công tác tìm kiếm việc làm.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ các thủ tục cấp phép tại các cơ quan quản lý Nhà nước để triển khai các hợp đồng đã ký kết.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật có chuyên môn sâu về lý thuyết và thực tiễn để có thể đáp ứng tốt các yêu cầu kỹ thuật cao trong lĩnh vực địa kỹ thuật, xử lý nền móng công trình.

- Chỉ đạo thi công khoa học để đảm bảo tiến độ, chất lượng và tiết giảm tối đa chi phí sản xuất.

- Nghiên cứu đưa ra biện pháp để thu hồi công nợ có hiệu quả.

- Chú trọng công tác an toàn lao động và vệ sinh thực phẩm.

- Phát động phong trào thực hành tiết kiệm trong toàn Công ty.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư năm 2017 và các năm tiếp theo.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trên, góp phần gia tăng giá trị sản lượng, doanh thu và lợi nhuận.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ, linh hoạt, đưa ra biện pháp thi công tối ưu để chỉ đạo thi công các công trình lớn công ty đã ký để đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất (đặc biệt dự án tại Phú Quốc).

- Kiện toàn bộ máy cán bộ quản lý điều hành Công ty để đáp ứng kịp thời trong tình hình mới.

*5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Xem tại Phần II mục 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Xem tại Phần II mục 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Xem tại Phần II mục 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

*1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Năm 2016 là một năm có nhiều khó khăn thách thức đối với Công ty CP Khảo sát và Xây dựng. Nguồn công việc mới về khảo sát, đo đạc, thí nghiệm kiểm định trên thị trường đã ít lại còn chịu sự cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt về giá dẫn đến những doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm, làm việc khoa học bài bản như Công ty USCO phải chịu nhiều áp lực làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Nhưng với sự đoàn kết một lòng của tập thể lãnh đạo, sự chia sẻ, gắn bó của toàn thể CBCNV toàn Công ty và sự ủng hộ nhiệt tình có hiệu quả của Tổng Công ty VNCC, Bộ Xây dựng, các bạn hàng, Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đã đạt được những kết quả khả quan. Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Đảng bộ Công ty đã làm tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đảng trong các hoạt động của công ty.

Công đoàn Công ty có nhiều hoạt động thể hiện tốt vai trò của tổ chức đoàn thể: Luôn động viên tinh thần người lao động, phối hợp cùng Chuyên môn phát động các phong trào thi đua để nâng cao năng suất và an toàn lao động. Chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên và người lao động tạo sự đoàn kết và tin tưởng vào sự ổn định và phát triển của công ty.

*2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

- Ban điều hành Công ty đã rất cố gắng thực hiện tốt nghị quyết của Hội đồng quản trị để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức nhưng đã đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Công tác thị trường đã có bước phát triển mạnh và nhiều thành công. Trong năm 2016 Công ty đã ký



được một số Hợp đồng kinh tế có giá trị cao. Việc thu hồi công nợ được chú trọng và thu nhiều kết quả. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động. Ban tổng giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền được phân cấp. Luôn báo cáo đầy đủ và chính xác các vấn đề phát sinh trình HĐQT; tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Ban điều hành đã từng bước phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh gắn gũi với ngành nghề truyền thống góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Chuẩn bị và tổ chức tốt ĐHĐCĐ thường niên năm 2017

- Chỉ đạo Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 do ĐHĐCĐ giao.

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết quyết định của HĐQT.

- Kiện toàn bổ sung nhân sự Ban điều hành Công ty.

- Tiếp tục cập nhật, bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý, quy định nội bộ phù hợp với đặc thù và thực tế của Công ty.

- Tiếp tục tái cơ cấu các đơn vị trực thuộc để tăng để tăng tính chủ động đảm bảo sản xuất kinh doanh có lợi nhuận cao.

- Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu vẫn là Tư vấn Khảo sát xây dựng đồng thời mở rộng thêm lĩnh vực gắn gũi đó là thiết kế xây dựng, xử lý nền móng (Khoan phụt gia cố, chống thấm. Khoan cọc nhồi, Ép cọc...) và xây dựng hạ tầng.

- Hoàn thiện nhanh các thủ tục pháp lý để triển khai đối với các dự án đầu tư xây dựng.

- Đảm bảo thu nhập, điều kiện làm việc cho người lao động. Thực hiện cơ chế khuyến khích, động viên để người lao động phát huy năng lực và gắn bó với Công ty.

- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông của Công ty.

## V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán (chi tiết xin xem trong Báo cáo kiểm toán đính kèm Báo cáo này)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

## XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Th.s Nguyễn Trọng Hoàng

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

# **CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO**

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 11/2004/BXD ngày 11 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2004. Theo quyết định số 1190/QĐ - BXD ngày 26 tháng 9 năm 2014 và 1526/QĐ - BXD ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Xây dựng Công ty chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần.

Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 01 năm 2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: UNION OF SURVEY CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: USCO.

Vốn điều lệ của Công ty là: 55.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn), được chia thành 5.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Văn Định	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Trọng Thoáng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Tồn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Lâm Cường	Ủy viên
	Ông Trần Ngọc Sang	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Trọng Thoáng	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Ngọc Sang	Phó Tổng Giám đốc

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc *lđ*



**Nguyễn Trọng Thoáng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2017

Số: 142/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO, được lập ngày 01 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Đình Văn Thắng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1  
Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**  
*Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2017*

---

**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>132.450.135.484</b>	<b>115.675.681.257</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>15.976.010.748</b>	<b>14.716.932.155</b>
1. Tiền	111		10.676.010.748	5.716.932.155
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.300.000.000	9.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>70.119.688.610</b>	<b>56.706.571.045</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	42.374.118.099	41.147.293.638
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.994.658.773	5.458.956.278
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	20.932.185.238	10.281.594.629
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(181.273.500)	(181.273.500)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>44.702.827.078</b>	<b>42.492.891.869</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.5	44.702.827.078	42.492.891.869
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.651.609.048</b>	<b>1.759.286.188</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.234.113.373	1.283.506.325
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		358.141.727	204.102.412
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	59.353.948	271.677.451
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.520.210.929</b>	<b>28.149.671.462</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	100.000.000	100.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.607.479.014</b>	<b>23.834.189.737</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	19.551.094.214	22.777.804.937
- Nguyên giá	222		73.535.120.595	74.242.472.144
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.984.026.381)	(51.464.667.207)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.056.384.800	1.056.384.800
- Nguyên giá	228		1.056.384.800	1.056.384.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.115.000</b>	<b>3.115.000</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.115.000	3.115.000
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>375.000.000</b>	<b>750.000.000</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.9	375.000.000	750.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.434.616.915</b>	<b>3.462.366.725</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	4.434.616.915	3.462.366.725
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>157.970.346.413</b>	<b>143.825.352.719</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>98.685.215.160</b>	<b>85.239.697.563</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>98.685.215.160</b>	<b>85.239.697.563</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	9.123.055.303	8.471.206.467
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.477.537.121	11.893.323.679
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	5.747.713.148	11.573.528.657
4. Phải trả người lao động	314		2.554.489.324	1.916.898.213
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	2.365.842.298	10.228.882.130
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.579.499.000	1.354.003.039
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	41.895.494.225	27.090.053.886
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	9.452.349.315	9.402.349.315
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.489.235.426	3.309.452.177
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>59.285.131.253</b>	<b>58.585.655.156</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>59.285.131.253</b>	<b>58.585.655.156</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.000.000.000	55.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		362.741.366	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.922.389.887	3.585.655.156
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.922.389.887	3.585.655.156
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>157.970.346.413</b>	<b>143.825.352.719</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lương Ngọc Sang



Vũ Thị Thanh Huyền



Nguyễn Trọng Thoáng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	117.203.324.945	114.096.265.427
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		117.203.324.945	114.096.265.427
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	95.162.258.242	89.279.610.291
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		22.041.066.703	24.816.655.136
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	542.033.846	463.418.506
7. Chi phí tài chính	22	5.19	90.520.000	186.608.333
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		90.520.000	186.608.333
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		19.377.716.176	22.315.091.345
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		3.114.864.373	2.778.373.964
11. Thu nhập khác	31	5.20	3.666.674.282	2.188.971.889
12. Chi phí khác	32	5.20	1.779.116.162	324.937.300
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.20	1.887.558.120	1.864.034.589
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		5.002.422.493	4.642.408.553
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	1.080.032.606	1.056.753.397
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.922.389.887	3.585.655.156
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	713	489

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lương Ngọc Sang

Vũ Thị Thanh Huyền

Nguyễn Trọng Thoáng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.002.422.493	4.642.408.553
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	3.560.798.525	3.905.381.008
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(967.213.467)	(463.418.506)
- Chi phí lãi vay	06	90.520.000	186.608.333
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.686.527.551	8.270.979.388
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(17.071.653.756)	424.992.350
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.209.935.209)	(8.641.402.145)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	10.710.846.740	(12.927.436.732)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(922.857.238)	(19.067.272)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(90.520.000)	(186.608.333)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(540.000.000)	(3.464.634.808)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.437.591.912)	(16.543.177.552)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(350.908.181)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	442.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.300.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.000.000.000	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	375.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	542.033.846	463.418.506
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.708.125.665	463.418.506
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
3. Tiền thu từ cho vay	33	-	565.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(5.499.981.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.011.455.160)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.011.455.160)	(4.934.981.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	1.259.078.593	(21.014.740.046)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.716.932.155	35.731.672.201
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	15.976.010.748	14.716.932.155

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lương Ngọc Sang

Vũ Thị Thanh Huyền

Nguyễn Trọng Thoáng



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 11/2004/BXD ngày 11 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2004. Theo quyết định số 1190/QĐ – BXD ngày 26 tháng 9 năm 2014 và 1526/QĐ – BXD ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Xây dựng Công ty chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần.

Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 01 năm 2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: UNION OF SURVEY CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPAY. Tên Công ty viết tắt: USCO.

Vốn điều lệ của Công ty là: 55.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn), được chia thành 5.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Số lao động bình quân năm 2016: 340 người

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Thiết kế công trình khai thác mỏ lộ thiên;
- Thiết kế, lập tổng dự toán và giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng, thiết kế quy hoạch chi tiết khu công nghiệp, dân cư;
- Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính;
- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng;
- Thiết kế các công trình thoát nước và xử lý nước thải;
- Thí nghiệm mẫu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng;
- Thăm dò và khai thác khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Gia công, sửa chữa thiết bị vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Sản xuất vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Đầu tư xây dựng và quản lý kinh doanh khai thác bến bãi đỗ xe;
- In các ấn phẩm phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty (không bao gồm hoạt động xuất bản);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ gồm phá hủy hoặc đập các tòa nhà và các công trình khác;
- Làm sạch mặt bằng xây dựng;
- Vận chuyển đất: đào, lấp, sang mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng, thí nghiệm và xây dựng.



**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Công ty

1. Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Phú Yên;
2. Chi nhánh Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại miền Trung;
3. Trung tâm Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng miền Nam;
4. Chi nhánh Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại T.p Hồ Chí Minh;
5. Xí nghiệp Khảo sát và Xử lý nền móng;
6. Xí nghiệp Khảo sát Đo đạc và Xây dựng;
7. Xí nghiệp Khảo sát địa chất và Xây dựng;
8. Xí nghiệp Khảo sát và Đầu tư Xây dựng;
9. Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hà Nội;
10. Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng;
11. Chi nhánh Lạc Long Quân - Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO;
12. Trung tâm Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Quảng Ngãi;
13. Trung tâm Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng miền Trung.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

##### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính và tài sản khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc  
Máy móc và thiết bị  
Phương tiện vận tải  
Thiết bị, dụng cụ quản lý

Năm 2016  
(Số năm)

25  
05 - 15  
05 - 08  
03

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

TSCĐ vô hình là phần mềm vi tính và tài sản khác được khấu hao không quá 10 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 02 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi đã trừ đi nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	853.884.553	457.211.318
Tiền gửi ngân hàng	9.822.126.195	5.259.720.837
Các khoản tương đương tiền	5.300.000.000	9.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	5.300.000.000	9.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>15.976.010.748</b>	<b>14.716.932.155</b>

**5.2. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>42.374.118.099</b>	<b>41.147.293.638</b>
- Công ty TNHH Long Sơn	-	3.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD3	-	2.902.472.386
- Sở tài nguyên môi trường Hà Nội	4.883.250.556	-
- Công ty CP đầu tư và phát triển Xuân Thành	2.700.000.000	-
- Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	34.790.867.543	35.244.821.252
<b>Tổng</b>	<b>42.374.118.099</b>	<b>41.147.293.638</b>

**5.3. Phải thu khác***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.932.185.238</b>	-	<b>10.281.594.629</b>	-
- Phải thu người lao động	3.644.686.844	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	36.900.000	-	-	-
- Tạm ứng	15.422.718.222	-	7.563.706.437	-
+ Ban điều hành dự án Mễ trì	-	-	1.437.747.044	-
+ Các đối tượng khác	1.827.880.172	-	1.280.141.148	-
<b>Dài hạn</b>	<b>100.000.000</b>	-	<b>100.000.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>21.032.185.238</b>	-	<b>10.381.594.629</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẤU B 09 - DN

**5.4. Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu	181.273.500	-	181.273.500	-
<b><u>Trong đó:</u></b>			<b>Quá hạn trên 03 năm</b>	<b>Quá hạn trên 01 năm</b>
Các đối tượng khác			-	181.273.500
<b>Tổng</b>				<b>181.273.500</b>

**5.5. Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	550.133.189	-	573.288.825	-
Công cụ, dụng cụ	13.689.534	-	13.138.893	-
Chi phí SX KDDD	44.123.158.355	-	41.890.618.151	-
Hàng hóa	15.846.000	-	15.846.000	-
<b>Tổng</b>	<b>44.702.827.078</b>	<b>-</b>	<b>42.492.891.869</b>	<b>-</b>

**5.6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.234.113.373</b>	<b>1.283.506.325</b>
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	1.234.113.373	1.283.506.325
<b>Dài hạn</b>	<b>4.434.616.915</b>	<b>3.462.366.725</b>
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	3.509.134.588	2.493.626.908
Giá trị lợi thế kinh doanh	925.482.327	968.739.817
<b>Tổng</b>	<b>5.668.730.288</b>	<b>4.745.873.050</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃ B 09-DN

**5.7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	34.327.327.514	28.386.637.926	10.634.630.490	893.876.214	74.242.472.144
Tăng trong kỳ	193.249.090	62.000.000	-	95.659.091	350.908.181
Mua trong năm	193.249.090	62.000.000	-	95.659.091	350.908.181
Giảm trong kỳ	-	168.203.835	890.055.895	-	1.058.259.730
Thanh lý, nhượng bán	-	168.203.835	890.055.895	-	1.058.259.730
Số dư tại 31/12/2016	34.520.576.604	28.280.434.091	9.744.574.595	989.535.305	73.535.120.595
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	20.907.496.810	21.579.103.833	8.213.617.403	764.449.161	51.464.667.207
Tăng trong kỳ	926.289.959	1.761.366.296	812.276.952	60.865.318	3.560.798.525
Khấu hao trong kỳ	926.289.959	1.761.366.296	812.276.952	60.865.318	3.560.798.525
Giảm trong kỳ	-	151.383.456	890.055.895	-	1.041.439.351
Thanh lý, nhượng bán	-	151.383.456	890.055.895	-	1.041.439.351
Số dư tại 31/12/2016	21.833.786.769	23.189.086.673	8.135.838.460	825.314.479	53.984.026.381
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2016	13.419.830.704	6.807.534.093	2.421.013.087	129.427.053	22.777.804.937
Tại 31/12/2016	12.686.789.835	5.091.347.418	1.608.736.135	164.220.826	19.551.094.214

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN****5.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty với trị giá 1.056.384.800 đồng là Quyền sử dụng đất có thời hạn lâu dài của Lô A89, tờ Bản đồ số 00 tại địa chỉ: Khu phố mới Tân Thạnh, phường Tân Thạnh, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam và Số 187 Lê Thánh Tôn, phường 3, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

**5.9. Đầu tư dài hạn khác***Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		31/12/2016			01/01/2016		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Bất động sản Lilama Land	0,2%	0,2%	375.000.000	-	-	750.000.000	-	-
<b>Tổng</b>			<b>375.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.10. Phải trả người bán ngắn hạn***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	9.123.055.303	9.123.055.303	8.471.206.467	8.471.206.467
- Các đối tượng khác	9.123.055.303	9.123.055.303	8.471.206.467	8.471.206.467
<b>Tổng</b>	<b>9.123.055.303</b>	<b>9.123.055.303</b>	<b>8.471.206.467</b>	<b>8.471.206.467</b>

**5.11. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
	<b>Phải nộp</b>	<b>11.573.528.657</b>	<b>9.851.109.995</b>	<b>15.676.925.504</b>
Thuế giá trị gia tăng	3.263.639.003	5.131.384.454	6.315.746.660	2.079.276.797
Thuế thu nhập doanh nghiệp	167.791.322	652.092.296	540.000.000	279.883.618
Thuế thu nhập cá nhân	49.320.213	90.962.308	48.146.664	92.135.857
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.965.462.513	2.533.606.674	2.044.418.738	2.454.650.449
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.127.315.606	1.439.064.263	6.724.613.442	841.766.427
<b>Phải thu</b>	<b>271.677.451</b>	<b>268.646.300</b>	<b>56.322.797</b>	<b>59.353.948</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	268.596.300	268.596.300	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.081.151	50.000	-	3.031.151
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	56.322.797	56.322.797



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN****5.12. Chi phí phải trả**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	2.365.842.298	10.228.882.130
Chi phí trích trước giá thành công trình	2.365.842.298	10.228.882.130
<b>Tổng</b>	<b>2.365.842.298</b>	<b>10.228.882.130</b>

**5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	41.895.494.225	27.090.053.886
Kinh phí công đoàn	268.811.327	221.364.758
Bảo hiểm xã hội	2.033.681.256	1.304.420.196
Bảo hiểm y tế	173.825.942	4.261.706
Bảo hiểm thất nghiệp	28.730.797	1.892.820
Phải trả về cổ phần hóa	-	-
Phải trả, phải nộp khác	39.390.444.903	25.558.114.406
- Phải trả về bảo hành công trình	1.437.501.829	1.803.282.405
- Phải trả khác về nguồn nợ vay đầu tư TSCĐ	2.853.568.887	3.627.535.900
- Phải nộp Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	1.917.035.508	1.917.035.508
- Phải trả cổ tức	1.315.044.840	-
- Phải trả chi phí khoán công trình cho các đội, trung tâm và phải trả khác	31.867.293.839	18.210.260.593
Dài hạn	-	-
<b>Tổng</b>	<b>41.895.494.225</b>	<b>27.090.053.886</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÁU B 09 - DN

**5.14. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2016		Phát sinh trong kỳ		01/01/2016	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị	9.452.349.315			9.452.349.315	Giá trị
Vay ngắn hạn	9.452.349.315	9.452.349.315	110.000.000	60.000.000	9.402.349.315	9.402.349.315
Các đối tượng khác	9.452.349.315	9.452.349.315	110.000.000	60.000.000	9.402.349.315	9.402.349.315
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>9.452.349.315</b>	<b>9.452.349.315</b>	<b>110.000.000</b>	<b>60.000.000</b>	<b>9.402.349.315</b>	<b>9.402.349.315</b>

Đơn vị tính: VND

**Trong đó:**

Khoản vay tại Văn phòng Công ty với số tiền 8.546.349.315 đồng là khoản Quyết toán quỹ lương trước thời điểm Cổ phần hóa, Cán bộ Công nhân viên cho Công ty tạm thời vay lại để hoạt động sản xuất kinh doanh, không có lãi suất và tài sản đảm bảo. Khoản vay này được Công ty thanh toán dần cho Cán bộ công nhân viên.

Một số khoản vay cá nhân khác thời hạn vay 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MAUB 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.15. Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 12/01/2015	32.178.591.617	17.923.420.417	-	3.453.228	50.105.465.262
Tăng trong năm	22.821.408.383	-	-	3.585.655.156	26.407.063.539
Tăng vốn	22.821.408.383	-	-	-	22.821.408.383
Lãi	-	-	-	3.585.655.156	3.585.655.156
Giảm trong năm	-	17.923.420.417	-	3.453.228	17.926.873.645
Điều chỉnh theo kết quả XDGTĐN	-	17.923.420.417	-	-	17.923.420.417
Giảm khác	-	-	-	3.453.228	3.453.228
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.585.655.156</b>	<b>58.585.655.156</b>
Số dư tại 01/01/2016	55.000.000.000	-	-	3.585.655.156	58.585.655.156
Tăng trong kỳ	-	-	362.741.366	3.922.389.887	4.285.131.253
Phân phối lợi nhuận	-	-	362.741.366	-	362.741.366
Lãi	-	-	-	3.922.389.887	3.922.389.887
Giảm trong kỳ	-	-	-	3.585.655.156	3.585.655.156
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.259.155.156	1.259.155.156
Chia cổ tức	-	-	-	2.326.500.000	2.326.500.000
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>362.741.366</b>	<b>3.922.389.887</b>	<b>59.285.131.253</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN****5.15. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - VNCC	31.766.000.000	31.766.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	23.234.000.000	23.234.000.000
<b>Tổng</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>55.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	55.000.000.000	32.178.591.617
Vốn góp tăng trong năm	-	22.821.408.383
Vốn góp tại cuối năm	55.000.000.000	55.000.000.000
<b>Cổ tức</b>	<b>2.326.500.000</b>	-
<b>Phân phối lợi nhuận</b>	<b>1.259.155.156</b>	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu khảo sát, thí nghiệm và dịch vụ khác	114.112.199.873	109.245.867.372
Doanh thu hoạt động xây lắp	3.091.125.072	4.850.398.055
<b>Tổng</b>	<b>117.203.324.945</b>	<b>114.096.265.427</b>

**5.17. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn khảo sát, thí nghiệm và dịch vụ khác	92.352.962.767	85.384.435.533
Giá vốn hoạt động xây lắp	2.809.295.475	3.895.174.758
<b>Tổng</b>	<b>95.162.258.242</b>	<b>89.279.610.291</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

**5.18. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	542.033.846	462.543.770
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	874.736
<b>Tổng</b>	<b>542.033.846</b>	<b>463.418.506</b>

**5.19. Chi phí tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	90.520.000	186.608.333
<b>Tổng</b>	<b>90.520.000</b>	<b>186.608.333</b>

**5.20. Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	-	498.297.560
Thu nhập từ thanh lý tài sản	425.179.621	-
Thu nhập khác	3.241.494.661	1.690.674.329
<b>Tổng</b>	<b>3.666.674.282</b>	<b>2.188.971.889</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, phá dỡ	-	95.036.034
Chi phí khác	1.779.116.162	229.901.266
<b>Tổng</b>	<b>1.779.116.162</b>	<b>324.937.300</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>1.887.558.120</b>	<b>1.864.034.589</b>

**5.21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.080.032.606	1.056.753.397
<b>Tổng</b>	<b>1.080.032.606</b>	<b>1.056.753.397</b>

**5.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.922.389.887	3.585.655.156
Các khoản điều chỉnh		
Điều chỉnh giảm do trích quỹ KTPL (*)	-	896.413.790
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.922.389.887	2.689.241.366
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.500.000	5.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	713	489

(\*): Năm 2016, Công ty chưa có Nghị Quyết Đại hội cổ đông về phân phối Lợi nhuận năm 2016 nên số liệu để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa bao gồm khoản giảm do trích quỹ Khen thưởng phúc lợi.

**5.23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.338.299.114	14.967.549.492
Chi phí nhân công	26.110.211.709	30.131.797.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.560.798.525	3.905.381.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.010.749.201	12.626.221.710
Chi phí khác bằng tiền	30.788.308.302	30.590.490.171
<b>Tổng</b>	<b>80.808.366.851</b>	<b>92.221.440.035</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.



**6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.976.010.748	14.716.932.155
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.225.029.837	51.347.614.767
Đầu tư dài hạn	375.000.000	750.000.000
<b>Tổng</b>	<b>79.576.040.585</b>	<b>66.814.546.922</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	9.452.349.315	9.402.349.315
Phải trả người bán và phải trả khác	51.018.549.528	35.561.260.353
Chi phí phải trả	2.365.842.298	10.228.882.130
<b>Tổng</b>	<b>62.836.741.141</b>	<b>55.192.491.798</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2016</b>			
Các khoản vay	9.452.349.315	-	9.452.349.315
Phải trả người bán và phải trả khác	51.018.549.528	-	51.018.549.528
Chi phí phải trả	2.365.842.298	-	2.365.842.298
<b>01/01/2016</b>			
Các khoản vay	9.402.349.315	-	9.402.349.315
Phải trả người bán và phải trả khác	35.561.260.353	-	35.561.260.353
Chi phí phải trả	10.228.882.130	-	10.228.882.130

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.976.010.748	-	15.976.010.748
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.125.029.837	100.000.000	63.225.029.837
Đầu tư dài hạn	-	375.000.000	375.000.000
<b>01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.716.932.155	-	14.716.932.155
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.247.614.767	100.000.000	51.347.614.767
Đầu tư dài hạn	-	750.000.000	750.000.000



**6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

		Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Lương và thù lao	1.272.000.000	1.248.000.000
<b>Tổng</b>		<b>1.272.000.000</b>	<b>1.248.000.000</b>

**Số dư với Các bên liên quan khác**

Các khoản phải trả	Quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải trả khác</b>			
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	Công ty Mẹ	1.917.035.508	1.917.035.508

**6.3 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**6.3 Thông tin so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2017

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**





**Lương Ngọc Sang**

**Vũ Thị Thanh Huyền**

**Nguyễn Trọng Thoáng**